

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 940 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng Vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 1789-TB/TU ngày 13/7/20223 của Tỉnh ủy;

Căn cứ Công văn số 981-CV/VPTU ngày 02/8/2023 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc trích biên bản Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường kỳ tháng 7/2023;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 195/TTr-SXD ngày 16/8/2023 kèm theo Báo cáo số 368/BC-SXD ngày 16/8/2023; UBND huyện Lạng Giang tại Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 11/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000), với các nội dung chính như sau:

1. Vị trí và phạm vi nghiên cứu

a) Vị trí, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch:

Phạm vi lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang trên toàn bộ địa giới hành chính của huyện Lạng Giang; ranh giới nghiên cứu được giới hạn như sau:

- Phía Bắc: Giáp huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Phía Nam: Giáp thành phố Bắc Giang và huyện Yên Dũng;
- Phía Đông: Giáp huyện Lục Nam;
- Phía Tây: Giáp huyện Tân Yên, Yên Thế.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch khoảng 244 km²;
- Dân số trung bình hiện trạng toàn huyện năm 2022 khoảng 225.435 người, trong đó dân số đô thị khoảng 29.959 người, chiếm 13,29%; dân số nông thôn khoảng 195.476 người, chiếm 86,71%;
- Dự báo quy mô dân số qua các giai đoạn như sau:
 - + Tổng dân số toàn huyện: Đến năm 2030 khoảng 276.500 người; đến năm 2040 khoảng 390.000 người;
 - + Dân số đô thị: Đến năm 2030 khoảng 91.300 người chiếm 33%; đến năm 2040 khoảng 241.700 người, chiếm 62%;
 - + Dân số nông thôn: Đến năm 2030 khoảng 185.200 người, chiếm 67%; đến năm 2040 khoảng 148.300 người, chiếm 38%.

2. Tính chất

- Là trung tâm kinh tế phía Bắc của tỉnh Bắc Giang, đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia trên hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn, hướng tới đô thị loại IV và thị xã trong tương lai; là đầu mối giao thông đường bộ của vùng, Quốc gia;

- Là trung tâm phát triển công nghiệp, dịch vụ Logistics, phát triển công nghiệp xanh; sản xuất nông nghiệp sạch, chất lượng cao; là vùng phát triển đô thị bền vững, hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại;

- Là trung tâm Tiểu vùng phía Bắc của các huyện Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang với thị trấn Vôi là đô thị trung tâm tiểu vùng. Là vùng phát triển dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng kết hợp văn hóa, di tích lịch sử;

- Là vùng phát triển kinh tế xã hội gắn kết chặt chẽ với đảm bảo quốc phòng, an ninh.

3. Mục tiêu

Cụ thể hóa những định hướng chiến lược phát triển của Quốc gia, Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Cụ thể hóa mục tiêu nâng cao chất lượng huyện nông thôn mới, xây dựng xã nông thôn mới nâng cao (đô thị nông thôn kiểu mẫu); đầu tư cơ sở hạ tầng để củng cố các tiêu chí hướng tới cả huyện Lạng Giang thành đô thị loại IV, phát triển các phân vùng đô thị và nông thôn hướng tới thành lập thị xã sau năm 2030;

Xây dựng huyện Lạng Giang trở thành đô thị xanh, phát triển bền vững, cực tăng trưởng kinh tế quan trọng, cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Bắc Giang;

Bảo tồn di sản văn hóa - lịch sử, cảnh quan thiên nhiên. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa địa phương;

Làm cơ sở pháp lý cho các công tác quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, nông thôn trong huyện; xây dựng các chương trình kế hoạch, dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên có trọng tâm, trọng điểm và đề xuất các chính sách phát triển, sử dụng hợp lý các nguồn lực.

4. Dự báo về nhu cầu đất đai

* Giai đoạn đến năm 2030:

- Đất phát triển xây dựng khoảng 10.600-12.000ha, trong đó:

+ Đất phát triển đô thị khoảng 1.100-1.400 ha (tăng khoảng 750-1.000ha so với năm 2022);

+ Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 1.400-1.600ha;

+ Đất phát triển công nghiệp khoảng 1.000-1.500ha;

+ Đất phát triển thương mại, dịch vụ khoảng 650-750ha;

+ Đất Quốc phòng khoảng 700-800ha;

+ Đất xây dựng cơ sở hạ tầng và chức năng phát triển khác khoảng 5.800-6.000ha.

- Đất sản xuất nông - lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 12.400-13.800ha.

* Giai đoạn đến năm 2040:

- Đất phát triển xây dựng khoảng 13.500 đến 15.500ha; Chiếm khoảng 55-60% diện tích đất tự nhiên, trong đó:

- + Đất phát triển đô thị khoảng 2.500-3000ha (tăng khoảng 1.400-1.600ha so với năm 2030); chiếm khoảng 17-22% diện tích nhu cầu đất phát triển xây dựng;
- + Đất phát triển dân cư nông thôn khoảng 1.200-1.700ha;
- + Đất phát triển công nghiệp khoảng 1.600-1.800ha;
- + Đất phát triển thương mại, dịch vụ khoảng 800-1.200ha;
- + Đất Quốc phòng khoảng 700-800ha;
- + Đất xây dựng cơ sở hạ tầng và các chức năng phát triển khác khoảng 6.000-7.000ha.

- Đất sản xuất nông - lâm nghiệp và các chức năng khác khoảng 9.000-11.000ha, chiếm khoảng 40-45% diện tích đất tự nhiên đô thị.

5. Định hướng phát triển không gian vùng

5.1. Phân vùng phát triển

Huyện Lạng Giang được xác định phân thành 04 vùng:

a) Phân vùng Trung tâm:

- Khu vực gồm thị trấn Vôi, Kép và các xã Xương Lâm, Tân Hưng, Yên Mỹ, Hương Lạc. Phát triển đô thị trung tâm tổng hợp hành chính, chính trị, văn hóa, giáo dục, thể thao, thương mại, dịch vụ đô thị.

- Chức năng: Là vùng động lực, thúc đẩy phát triển kinh tế toàn huyện. Trọng tâm phát triển vào các lĩnh vực Công nghiệp, dịch vụ Logistics tại cửa ngõ phía Đông, phát huy lợi thế tuyến đường sắt liên vận quốc tế.

b) Phân vùng phía Bắc:

- Khu vực gồm các xã Hương Sơn, Quang Thịnh.

- Chức năng: Là vùng phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, vui chơi giải trí gắn với địa hình, cảnh quan tự nhiên (đồi, núi, mặt nước) và văn hóa bản địa; Phát triển các dịch vụ Logistics gắn với QL1A, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, ga đường sắt; phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với khu vực cửa ngõ phía Bắc.

c) Phân vùng phía Nam:

- Khu vực gồm các xã Đại Lâm, Thái Đào, Tân Dĩnh, Xuân Hương, Mỹ Thái: Tiếp giáp với TP Bắc Giang, phát triển đô thị mật độ cao;

- Chức năng: Là vùng phát triển công nghiệp, thương mại, các dịch vụ Logistics gắn với vành đai 5 vùng Thủ đô, ga trung chuyển hàng hóa, cảng thủy nội địa.

d) Phân vùng phía Tây:

- Khu vực gồm các xã Đào Mỹ, An Hà, Tiên Lục, Mỹ Hà, Dương Đức, Tân Thanh, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa:

- Chức năng: Là vùng phát triển nông nghiệp, thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ chất lượng cao; hình thành các cụm, điểm dịch vụ sinh

thái ven sông Thương; tổ chức các điểm du lịch di sản, nhân văn. Lấy KCN - đô thị - dịch vụ Nghĩa Hưng, KCN An Hà là trục động lực mới phía Tây.

5.2. Cấu trúc không gian vùng

Không gian vùng huyện Lạng Giang sẽ phát triển theo cấu trúc như sau:

- Hình thành 5 cực động lực:

+ 02 Cực động lực trọng tâm: Thị trấn Vôi và thị trấn Kép, phát triển đô thị trung tâm gắn với các dịch vụ tiện ích đô thị loại IV trong tương lai;

+ 03 Cực động lực phát triển đô thị dịch vụ công nghiệp: Tân Hưng - Tân Dĩnh - Thái Đào.

- Hình thành 6 trục hành lang phát triển kinh tế:

+ Trục Bắc - Nam: Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, QL1A, ĐH04 phát triển vận tải hàng hóa qua các trung tâm đầu mối hạ tầng đường thủy, bộ, sắt;

+ Trục Đông - Tây: ĐT292-QL37, ĐT295, vành đai V vùng Thủ đô.

- Hình thành 2 Trục tăng trưởng:

+ Khu vực trung tâm Vôi: 2 trục tăng trưởng ĐT295, ĐT292B lấy thị trấn Vôi là trung tâm vùng kết nối phát triển kinh tế các vùng lân cận;

+ Khu vực phía Nam: 2 trục tăng trưởng ĐT295, VĐ 2 Thành phố.

6. Định hướng phân bố không gian phát triển kinh tế

a) Phân bố không gian phát triển công nghiệp:

* Khu công nghiệp:

- Giai đoạn đến năm 2030: Quy hoạch mới 04 KCN gồm KCN - đô thị - dịch vụ Nghĩa Hưng; KCN Mỹ Thái - Xuân Hương - Tân Dĩnh; KCN Thái Đào - Tân An và KCN Mỹ Thái; Mở rộng KCN Tân Hưng bằng việc sáp nhập thêm CCN Tân Hưng). Tổng diện tích KCN nằm trên địa bàn huyện Lạng Giang khoảng 805ha;

- Giai đoạn đến năm 2040: Quy hoạch thêm 01 Khu công nghiệp An Hà; Tổng diện tích KCN trên địa bàn Huyện Lạng Giang khoảng 1.200ha.

* Cụm công nghiệp:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Giữ nguyên diện tích các CCN trên địa bàn: CCN Nghĩa Hòa; CCN Đại Lâm; CCN Hương Sơn; CCN Phương Sơn - Đại Lâm; CCN Đại Lâm 2, CCN Hương Sơn 2;

+ Thực hiện thủ tục sáp nhập Cụm công nghiệp Tân Hưng vào Khu công nghiệp Tân Hưng;

+ Đối với 03 CCN hiện trạng: Tân Dĩnh - Phi Mô; CCN Vôi - Yên Mỹ; CCN Non Sáo nếu không đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường thì nghiên cứu phương án di dời ra ngoài khu vực nội thị của thị xã;

+ Thành lập điểm sản xuất phi nông nghiệp tại xã Tân Thanh, Dương Đức quy mô khoảng 30-40ha.

- Giai đoạn đến năm 2040: Quy hoạch xây dựng thêm 01 cụm công nghiệp Đào Mỹ - Tiên Lục quy mô khoảng 60ha.

b) Phân bố không gian các điểm tiêu thụ công nghiệp:

- Dự kiến diện tích phát triển các điểm tiêu thụ công nghiệp trên địa bàn huyện phân bố tại các xã: Tiên Lục, Tân Thanh, Dương Đức, Tân Hưng, Đại Lâm, Tân Dĩnh, Thái Đào, Mỹ Thái, Xuân Hương...;

- Ngành chủ lực: Chế biến nông, lâm sản (chế biến rau, hoa quả, gỗ, nấm... sản xuất phân bón từ phụ phẩm nông nghiệp); Phát triển các ngành mới, có tiềm năng, triển vọng, đặc biệt là các ngành có sản phẩm thân thiện với môi trường, chế biến các sản phẩm nông, lâm sản; Phát triển ngành may mặc theo hướng hiện đại, mở rộng quy mô, đa dạng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm.

c) Phân bố không gian phát triển nông nghiệp:

- Xây dựng 3 trung tâm hỗ trợ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn để phục vụ phát triển nông nghiệp.

- Phân bố phát triển các khu sản xuất lúa tập trung: Vùng đồng bằng tập trung phát triển các khu cánh đồng lớn canh tác lúa 2 vụ. Vùng đồi núi, phát triển các khu lúa nước tập trung tại các khu vực thung lũng lòng chảo giữa núi, xen kẽ đồi có tưới, tiêu chủ động và bán chủ động. Đối với khu vực đồi núi vùng cao, thung lũng nhỏ hẹp, chủ yếu phát triển các điểm đồng ruộng sản xuất lúa quy mô nhỏ phù hợp với điều kiện địa bàn phục vụ đảm bảo an ninh lương thực tại chỗ cho các khu dân cư thôn, bản, hộ gia đình;

- Khu trồng rau: Quy hoạch vùng rau tập trung, sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng đưa vào tiêu thụ tại các siêu thị, khu công nghiệp, phục vụ nhu cầu rau sạch, rau an toàn cho vùng. Quy hoạch xây dựng 07 vùng rau tập trung ứng dụng CNC với diện tích khoảng 640ha.

- Khu trồng cây ăn quả tập trung: Bố trí khu vực phát triển cây ăn quả thuộc khu vực các xã Xương Lâm, Đại Lâm, Tân Hưng, Hương Sơn, Yên Mỹ, Mỹ Hà, Dương Đức, Tiên Lục và Tân Thanh, Đào Mỹ, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa, Quang Thịnh. Trong đó, bố trí vùng cây ăn quả tập trung khoảng 300ha.

- Khu vực chăn nuôi tập trung vật nuôi đặc sản, giá trị hàng hóa cao:

+ Phát triển các khu chăn nuôi tập trung vật nuôi đặc sản an toàn sinh học, vật nuôi có giá trị hàng hóa cao quy mô liên huyện, liên xã cung ứng cho các thị trường trong, ngoài tỉnh nhất là các trung tâm đô thị, trung tâm du lịch, khu vực tập trung đô thị, tập trung các khu công nghiệp xung quanh tỉnh và trong vùng Thủ đô Hà Nội;

+ Phân bố phát triển các khu vực chăn nuôi tập trung gia cầm đặc sản, gia cầm giá trị hàng hóa cao gồm khu vực liên các xã Quang Thịnh, Hương

Son, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa, Đào Mỹ, An Hà, Tiên Lục, Tân Thanh, Tân Hưng, Xương Lâm, Yên Mỹ, Thái Đào, Đại Lâm, Mỹ Hà, Dương Đức, Mỹ Thái, Xuân Hương, Hương Lạc.

+ Không gian rừng và các loại rừng: Trên địa bàn huyện không có rừng phòng hộ và rừng đặc dụng, diện tích rừng trên địa bàn toàn bộ là rừng sản xuất. Đến năm 2030, thực hiện chuyển đổi khoảng 935,6ha đất rừng sản xuất sang đất phi nông nghiệp. Tổng diện tích đất rừng sản xuất năm 2030 còn khoảng 1.392ha.

+ Khu vực nuôi trồng thủy sản: Thực hiện nuôi thủy sản theo hướng chuyên canh, nuôi thủy sản kết hợp ruộng trũng, nuôi thủy sản kết hợp mặt nước lớn. Từng bước áp dụng tiến bộ khoa học vào để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

d) Phân bố không gian phát triển du lịch và bảo vệ cảnh quan môi trường:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Mở rộng điểm du lịch cây Dã Hương nghìn năm tuổi, gắn với quần thể đình đền chùa Phúc Quang, xã Tiên Lục;

+ Thiết lập vùng cảnh quan bảo vệ sông Thương gắn với mạng lưới du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, di tích lịch sử;

+ Quy hoạch phát triển Khu bảo tồn thiên nhiên Đào Mỹ tại thôn Tân Phúc, xã Đào Mỹ để phát triển du lịch sinh thái gắn với du lịch di tích lịch sử đình Phù Lão;

+ Quy hoạch mở rộng đền Chí Miu, thôn Chí Miu, xã Hương Sơn và đền Bà Chúa Then, thôn Việt Hương, xã Hương Sơn để phát triển du lịch di tích lịch sử trên địa bàn;

+ Quy hoạch các khu sinh thái du lịch sinh thái, lâm viên phim trường ở một số xã có tiềm năng như: Đại Lâm, Nghĩa Hưng, Hương Lạc, Nghĩa Hòa, Quang Thịnh, Tân Thanh;

+ Đầu tư xây dựng khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Cao và quy hoạch mở rộng sân golf Hồ Hồ Cao thêm 36 hố về phía Đập Đá Đen tại xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang. Tạo thành khu sân golf và nghỉ dưỡng, thể thao, vui chơi giải trí Hồ Cao, đập Đá Đen, huyện Lạng Giang, quy mô khoảng 1.000ha;

+ Phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái: Quy hoạch điểm du lịch, điểm du lịch Homestay tại khu vực trồng hoa tại xã Thái Đào, làng Violin tại thôn Then xã Thái Đào, du lịch làng sinh thái thôn Thuận xã Tân Thanh...;

+ Xây dựng khu kinh tế đêm tại xã Xương Lâm;

+ Ngoài ra trên địa bàn huyện còn hình thành các tour du lịch làng nghề, du lịch trải nghiệm nông nghiệp.

- Giai đoạn đến năm 2040:

+ Tiếp tục đầu tư, xây dựng các hạng mục công trình, hoàn thiện cảnh quan gồm trồng các loại cây, hoa tại các khu, điểm du lịch Hồ Cao, Đập Đá Đen và tại các điểm di tích lịch sử văn hóa;

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống nhà hàng, khách sạn, dịch vụ vui chơi giải trí hiện đại để phục vụ nhu cầu của du khách tham quan tại các điểm du lịch: Hương Sơn, Quang Hiến, Nghĩa Hưng, Nghĩa Hòa, Đào Mỹ, Đại Lâm, Hương Lạc, Xương Lâm...;

+ Tái sinh rừng kết hợp xây dựng khu công viên sinh thái rừng tại khu vực xã Hương Sơn, Nghĩa Hòa.

e) Vùng kiểm soát phát triển, hạn chế phát triển, vùng cấm xây dựng và bảo vệ cảnh quan môi trường:

- Vùng cảnh quan hồ đập thủy lợi, sông Thương, hồ đập, kênh phục vụ cấp nước, thoát nước, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển du lịch sinh thái;

- Vùng cảnh quan sinh thái các khu di tích lịch sử, vùng lâm nghiệp rừng trồng;

- Vùng trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;

- Vùng khai thác khoáng sản, vùng sản xuất tiểu thủ công nghiệp gây ô nhiễm môi trường.

- Vùng hạn chế, cấm xây dựng: Hạn chế xây dựng trong các khu đất quốc phòng, an ninh, khu vực phòng thủ; khu vực hành lang bảo vệ sông Thương, hồ, kênh, đập, suối thoát nước tự nhiên; các khu vực ven sông có nguy cơ sạt lở không ổn định nền đất để bảo vệ sự đa dạng sinh học, môi trường sinh thái, nguồn tài nguyên nước.

f) Phân bố không gian phát triển dịch vụ thương mại:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Xây dựng và hoàn thiện cảng cạn ICD Hương Sơn;

+ Xây dựng chợ đầu mối nông sản cấp vùng tại khu vực xã Hương Sơn quy mô khoảng 10ha gắn với cảng cạn ICD;

+ Phát triển các Trung tâm Logistics tại khu vực Cảng thủy nội địa Xuân Hương, Ga Kép liên vận Quốc tế và khu Logistics tại khu vực xã Hương Lạc và thị trấn Kép;

+ Các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ quy hoạch mới phải bố trí không gian cho các khu thương mại, siêu thị;

+ Phát triển dịch vụ nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại tập trung tại 2 thị trấn Vôi, Kép và các đô thị mới;

+ Siêu thị: Phát triển mới các siêu thị tại thị trấn Vôi, thị trấn Kép, Thái Đào và Tân Dĩnh;

+ Xây dựng mới một số cửa hàng xăng dầu dọc các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, cự ly khoảng cách đảm bảo tiêu chuẩn quy chuẩn.

- Giai đoạn đến năm 2040:

+ Tiếp tục phát triển dịch vụ nhà hàng, khách sạn, trung tâm thương mại tập trung tại 2 thị trấn Vôi, Kép và các khu du lịch;

+ Siêu thị: Phát triển mới 02 siêu thị tại Xuân Hương và Tân Hưng;

+ Quy hoạch mỗi xã thêm 1 đến 2 điểm kinh doanh, thương mại dịch vụ tập trung có diện tích mỗi điểm trên 2ha.

g) Phân bố các không gian phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Giáo dục: Cải tạo mở rộng trường THPT Lạng Giang 2 và trường THPT Lạng Giang 3. Đầu tư xây dựng mới trường THPT Lạng Giang 4 tại thị trấn Vôi và trường THPT Lạng Giang 5 tại thị trấn Kép. Xây dựng các trường học đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất (trường lớp và trang thiết bị) theo tiêu chuẩn quy định, mặt bằng các trường học được mở rộng, cải tạo và xây dựng mới đạt chuẩn quốc gia;

+ Trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề: Toàn huyện có 04 Trung tâm GDTX, GDNN, hiện trạng có 03 cơ sở và quy hoạch mới 01 Trung tâm GDTX Lạng Giang Cơ sở 2 tại xã Mỹ Thái;

+ Y tế: Mở rộng Trung tâm y tế huyện quy mô khoảng 6ha. Đầu tư xây dựng mới 4 cơ sở y tế tư nhân số 5, 6, 7, 8;

+ Văn hóa - Thể dục thể thao: Xây dựng mới 2 trung tâm văn hoá, 2 trung tâm thể dục thể thao tại thị trấn Vôi và thị trấn Kép.

- Giai đoạn đến năm 2040:

+ Giáo dục: Sau năm 2030 bố trí thêm 01 trường THPT tại Mỹ Thái.

+ Y tế: Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất nâng cao chất lượng chữa bệnh tại các trung tâm y tế cấp huyện (thị xã) và y tế cấp xã (phường).

h) Quy hoạch phát triển văn hóa, thể thao:

- Về bảo tồn tôn tạo di tích văn hóa lịch sử: Đầu tư trùng tu, tôn tạo, lập hồ sơ công nhận thêm 1 di tích được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt Cụm di tích Tiên Lục (Cây Dã Hương, đình Viễn Sơn, Chùa Quang Phúc, đền Tiên Lục, Đình Thuận Hòa); Quy hoạch mở rộng đền Chí Miu, thôn Chí Miu, xã Hương Sơn và đền Bà Chúa Then, thôn Việt Hương, xã Hương Sơn; Khu văn hóa sinh thái chùa Cao Sơn xã Xương Lâm để phát triển du lịch. 100% các địa điểm di tích lịch sử văn hóa được quản lý, bảo vệ.

- Về thiết chế văn hóa:

+ Quy hoạch khu vui chơi dành cho thiếu nhi với diện tích khoảng 1,5ha tại các khu vực đô thị trong huyện: Vôi, Kép, Tân Hưng, Tân Đình, Thái Đào; Quy hoạch Khu công viên trung tâm thị trấn Vôi (khoảng 30-40ha); Quy hoạch

và xây dựng Trung tâm văn hóa, hội nghị của huyện (phục vụ tổ chức hội nghị, các hoạt động tập trung, các sự kiện) và công viên cây xanh thể thao tại thị trấn Kép và xã Hương Sơn; Hoàn thiện đầu tư, xây dựng Khu liên hợp văn hóa, thể thao của huyện;

+ Quan tâm xây dựng, củng cố và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao từ huyện đến các xã, bảo đảm đồng bộ và đạt chuẩn theo quy định (phần đầu đến năm 2025 duy trì 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa đạt tiêu chuẩn). Tiếp tục giữ gìn, phát triển các loại hình nghệ thuật truyền thống (như hát Then, quan họ, violon,...) và tổ chức các lễ hội truyền thống.

- Về lĩnh vực thể thao: Hoàn thiện xây dựng Khu liên hợp thể thao huyện, sân vận động huyện, nhà thi đấu đa năng, bể bơi... để phục vụ tập luyện, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao; Quy hoạch trung tâm văn hóa thể thao cấp đô thị tại phía Bắc thị trấn Kép, Quy hoạch mở rộng sân golf tại hồ Hồ Cao và quần thể du lịch nghỉ dưỡng sân golf mới tại đập Đá Đen (xã Hương Sơn).

i) Trụ sở cơ quan:

- Giai đoạn đến năm 2030: Hoàn thành xây dựng khu trụ sở liên cơ quan của huyện theo quy hoạch chi tiết 1/500 tại khu vực hiện nay. Chính trang cải tạo, đầu tư xây dựng mới trụ sở hành chính cấp xã.

- Giai đoạn đến năm 2040: Nâng cấp trụ sở cơ quan hành chính huyện là trung tâm hành chính thị xã; cải tạo chính trang, mở rộng trụ sở các thị trấn, xã thuộc khu vực nội thị đảm bảo quy mô hành chính cấp phường.

k) Quốc phòng, An ninh:

- Đối với đất đai và công trình an ninh, quốc phòng hiện hữu được giữ nguyên về quy mô diện tích, tính chất và quy hoạch mới đất quốc phòng, an ninh để đảm bảo nhu cầu phát triển lực lượng giữ gìn an ninh quốc phòng. Quy hoạch giao thông, hạ tầng hạn chế tối đa việc sử dụng đất xâm phạm đến các cơ sở An ninh, Quốc phòng, các khu vực rừng có điểm cao quân sự hạn chế việc khai thác, canh tác và sản xuất;

- Các điểm cao, dải địa hình có giá trị về quốc phòng - an ninh để đảm bảo yếu tố bí mật nên không được công bố rộng rãi về địa điểm, ranh giới, diện tích của từng khu vực.

7. Định hướng tổ chức không gian đô thị và điểm dân cư nông thôn

a) Phát triển hệ thống đô thị:

* Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2030: Tập trung xây dựng đồng bộ, hoàn thiện hạ tầng cho 02 thị trấn Vôi, thị trấn Kép theo tiêu chí đô thị loại IV và lập đồ án Quy hoạch chung đô thị cho 3 xã Tân Dĩnh, Thái Đào, Tân Hưng đô thị mới loại V. Cụ thể:

+ Giai đoạn 2023-2025: Lập đề án công nhận Vôi là đô thị loại IV;

+ Giai đoạn 2025-2030: Lập đề án công nhận Kép là đô thị loại IV, công nhận 03 đô thị Tân Dĩnh, Thái Đào, Tân Hưng là đô thị loại V, thành lập mới 03 thị trấn Tân Dĩnh, Thái Đào, Tân Hưng;

- Giai đoạn đến năm 2040: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật cho các phường dự kiến và các chỉ tiêu toàn đô thị Lạng Giang, thành lập thị xã Lạng Giang.

* Định hướng nâng loại đô thị:

- Giai đoạn đến năm 2030: Trong định hướng đô thị cho huyện Lạng Giang xác định đến năm 2030, huyện Lạng Giang tập trung đầu tư nâng cấp 02 thị trấn hiện hữu lên đô thị loại IV, thành lập 03 thị trấn mới, nâng cấp 06 xã dự kiến là vùng nội thị đạt tiêu chí đô thị loại V. Nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới, đầu tư cơ sở hạ tầng để củng cố các tiêu chí hướng tới cả huyện Lạng Giang thành đô thị loại IV.

- Giai đoạn đến năm 2040: Huyện Lạng Giang đạt tiêu chí đô thị loại IV, lập đề án công nhận đô thị Lạng Giang thành thị xã.

- Dự kiến các khu vực phát triển nội thị bao gồm: 10 đơn vị hành chính (9 xã hiện trạng và 2 thị trấn hiện trạng, trong đó có 2 xã được sáp nhập thành 1 đơn vị hành chính mới), tổng diện tích nội thị là (11.740ha): thị trấn Vôi (1.213ha); thị trấn Kép (964ha) và các xã lân cận: Xuân Hương (1.175ha); Mỹ Thái (863ha); Tân Hưng (1.336ha); Tân Dĩnh (1.019ha); Thái Đào (1.028ha); Đại Lâm (1.150ha); Xương Lâm (1.105ha); Yên Mỹ (721ha) sáp nhập Hương Lạc (1.166ha).

b) Phát triển điểm dân cư nông thôn:

- Tập trung nguồn lực để xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao; xây dựng nông thôn theo hướng kết hợp cải tạo không gian cũ với phát triển mới các điểm dân cư nông thôn sản xuất nông nghiệp hiện đại, cơ sở hạ tầng và dịch vụ đồng bộ, giữ gìn và bảo vệ môi trường;

- Kết hợp không gian văn hóa truyền thống (đình, đền, chùa...) với thiết chế văn hóa làng xã tạo đời sống văn minh. Bảo tồn và phát triển các khu vực làng nghề kết hợp phát triển du lịch, dịch vụ thương mại. Các điểm dân cư nằm trong vùng du lịch kết hợp với mô hình du lịch sinh thái, nuôi trồng cây con đặc sản;

- Phát triển kiến trúc nhà ở và cơ sở hạ tầng nông thôn phù hợp với điều kiện sống của dân cư theo đặc trưng từng vùng, không phá vỡ cảnh quan sinh thái; đối với các điểm dân cư mới phát triển phải có quy hoạch, kiến trúc cảnh quan phù hợp với truyền thống và điều kiện sống mới;

- Xây dựng nông thôn mới đảm bảo chất lượng, hiệu quả, gắn kết với phát triển công nghiệp, thương mại, du lịch, phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa. Lập đề án Quy hoạch chung xây dựng xã để làm cơ sở quản lý và đầu tư các dự án phát triển các chức năng;

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật khu vực nông thôn đáp ứng yêu cầu phát triển của toàn huyện. Huy động mọi nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn theo quy hoạch, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp góp phần phát triển du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch làng nghề.

8. Định hướng điều chỉnh hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển giao thông:

* Đường bộ:

- Cao tốc Bắc Giang-Lạng Sơn: Duy trì khai thác toàn tuyến với quy mô quy hoạch đường cao tốc từ 4 - 6 làn xe trên từng đoạn. Giai đoạn sau 2030 thực hiện đầu tư cải tạo, mở rộng lên 6 làn xe;

- Vành đai V thủ đô: Giai đoạn 2021-2030, đầu tư xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc có bề rộng 6 làn xe;

- Vành đai II thành phố: Hoàn thiện tuyến đạt tối thiểu quy mô cấp III đồng bằng.

- Quốc lộ: Hoàn thiện hệ thống đường quốc lộ (QL1A, QL31, QL37) phù hợp với Quy hoạch giao thông đường bộ Việt Nam và chiến lược phát triển giao thông tỉnh Bắc Giang. Đối với đoạn đi qua các khu vực phát triển đô thị xây dựng theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt.

- Giữ nguyên 4 tuyến đường tỉnh hiện có (ĐT292, ĐT295, ĐT295B, ĐT299) duy trì và nâng cấp cải tạo các tuyến đạt tối thiểu quy mô cấp III, II; đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị tuân thủ theo quy định.

- Quy hoạch các tuyến đường hiện có lên đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 398C (ĐT398C): Đường gom bên phải tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, quy hoạch đường quy mô cấp III đồng bằng;

+ Đường tỉnh 398D (ĐT398D): Đường gom bên trái tuyến cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, quy hoạch đường quy mô cấp III đồng bằng;

+ Đường tỉnh 398B (ĐT398B): Quy hoạch tuyến tối thiểu đạt quy mô cấp III đồng bằng;

+ Đường tỉnh 292B (ĐT292B): Quy hoạch tuyến tối thiểu đạt quy mô cấp III đồng bằng;

+ Đường tỉnh 293B (ĐT293B): Đoạn từ đường ĐT293 đến ĐT292B quy hoạch toàn tuyến tối thiểu đạt quy mô cấp III đồng bằng, đoạn đi qua khu vực phát triển đô thị tuân thủ theo đường đô thị.

- Quy hoạch mở mới 02 tuyến đường tỉnh:

+ Đường tỉnh 299B (ĐT299B): Quy hoạch tuyến tối thiểu đạt quy mô đường cấp III đồng bằng;

+ Đường tỉnh 289B (ĐT289B): Quy hoạch tuyến tối thiểu đạt quy mô đường cấp III đồng bằng;

- Đường huyện: Mở mới kết hợp nâng cấp, cải tạo hệ thống đường huyện tối thiểu đạt quy mô đường cấp III đồng bằng; Riêng tuyến đường ĐHQH4 quy hoạch tối thiểu đạt quy mô đường cấp II đồng bằng.

- Giao thông nông thôn: Hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn theo chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và phù hợp với chiến lược phát triển giao thông tỉnh Bắc Giang. Mở mới, kết hợp cải tạo nâng cấp các tuyến hiện có đạt tối thiểu cấp IV, đảm bảo 100% GTNT được cứng hóa.

- Giao thông đô thị: Đầu tư phát triển, từng bước đồng bộ, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống giao thông đô thị theo quy hoạch hệ thống đô thị của tỉnh và quy hoạch các đô thị trong huyện. Đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy mô, tính chất đô thị.

- Các công trình phục vụ giao thông:

+ Bến xe: Xây dựng 3 bến xe khách đạt tiêu chuẩn bến xe cấp III-IV tại Tân Dĩnh, Hương Lạc, Kép. Quy hoạch các điểm trung chuyển, bãi tập kết hàng hóa phục vụ các KCN, CCN và các khu du lịch;

+ Bãi đỗ xe: Quy hoạch hệ thống bãi đỗ xe tập trung tại các khu đô thị, thị trấn, xã, khu công nghiệp, khu du lịch đảm bảo chỉ tiêu theo quy định (giai đoạn trước mắt tập trung dành các quỹ đất xây dựng các bãi đỗ xe ưu tiên cho khu vực trung tâm). Vị trí và quy mô các bãi đỗ xe được xác định cụ thể trong các đồ án quy hoạch cấp dưới;

+ Cầu vượt sông: Xây mới kết hợp duy tu cải tạo hệ thống cầu trên các tuyến đường theo cấp hạng đường quy hoạch;

+ Cầu vượt đường bộ: Xây dựng các cầu vượt đường sắt trên các tuyến đường quốc lộ, đường vành đai V vùng thủ đô, đường tỉnh, đường huyện đảm bảo tính không an toàn giao thông đường sắt.

* Đường thủy: Tuân thủ Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Cảng Xuân Hương: Vị trí thuộc địa phận xã Xuân Hương có tính chất là cảng thủy nội địa loại III và kho bãi hàng hóa tổng hợp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và công nghệ hiện đại;

- Cảng cạn (ICD): Cảng cạn ICD Hương Sơn thuộc xã Hương Sơn và Tân Hưng, có tính chất là kho bãi hàng hóa phục vụ hoạt động Logistics với hạ tầng kỹ thuật và công nghệ hiện đại, đồng bộ.

* Đường sắt:

- Tuân thủ Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 và Quyết định số 348/QĐ-BGTVT ngày

20/02/2012 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng hệ thống giao cắt giữa đường sắt với đường bộ trên mạng lưới đường sắt Việt Nam;

- Duy trì 3 tuyến đường sắt hiện có gồm: Tuyến Hà Nội - Đồng Đăng, Kép Hạ Long và Kép - Lư Xá;

- Nâng cấp ga Kép trên tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng thành ga liên vận quốc tế phục vụ hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa. Sau năm 2030 quy hoạch xây dựng ga Tân Dĩnh quy mô 20ha nằm trên DT295B.

b) Định hướng công trình thủy lợi và phòng chống thiên tai:

* Công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai:

- Giai đoạn đến năm 2030: Hoàn thiện duy tu tuyến đê sông Thương, cải tạo nâng cấp cống tiêu dưới đê đảm bảo tiêu chuẩn chống được lũ thiết kế 2%. Cải tạo, mở rộng, xây mới, kiên cố hóa hệ thống kênh tiêu đảm bảo tiêu thoát nước. Nạo vét, nâng cấp hồ chứa, đập dâng đảm bảo trữ nước phục vụ sản xuất. Nâng cấp, cứng hóa kênh dẫn nước. Nâng cấp các trạm bơm do tỉnh và huyện quản lý;

- Giai đoạn đến năm 2040: Tiếp tục gia cố, cải tạo các đoạn đê xung yếu. Nâng cấp, sửa chữa 100% các công trình thủy lợi trên địa bàn. Kiên cố hóa 100% các hệ thống kênh mương, nâng cấp các trạm bơm trên địa bàn huyện.

c) Định hướng cao độ nền:

- Khu vực hiện trạng: Các khu vực hiện trạng đã xây dựng dọc các trục đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện, đường liên xã, đường liên thôn, các khu vực xây dựng tập trung mật độ cao giữ nguyên cao độ nền xây dựng. Chỉ san nền cục bộ tránh ngập úng. Chiều cao đắp nền trung bình: $0,5 \div 1,0m$.

- Khu vực xây mới:

- + Các khu vực xây mới trên các vùng thấp trũng: ao, hồ, ruộng canh tác, khe tụ thủy...khi thi công xây dựng phải khảo sát kỹ địa chất để có giải pháp ổn định nền móng công trình. Khi xây dựng phát triển trên vùng này cần tôn nền hài hòa với khu vực xây dựng hiện có. Chiều cao đắp nền trung bình: $0,5 \div 2,0m$;

- + Các khu vực xây mới trên các khu vực đồi núi có độ dốc lớn: tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đào đắp, chỉ san ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng công trình. Bố trí kè, taluy, tường chắn gia cố nền móng công trình, nền đường giao thông. Bố trí mương hứng nước mưa từ trên núi xuống để bảo đảm an toàn cho công trình;

- + San ủi cục bộ tạo mặt bằng xây dựng, kết nối hài hòa hiện trạng, tránh gây ngập úng.

- Không chế cao độ xây dựng tại các đô thị:

- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Vôi: $H_{xdmin} \geq 7,20m$;

- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Kép: $H_{xdmin} \geq 17,50m$;

- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Thái Đào: $H_{xdmin} \geq 6,00m$;
- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Tân Dĩnh: $H_{xdmin} \geq 6,00m$;
- + Cao độ nền xây dựng tối thiểu tại thị trấn Tân Hưng: $H_{xdmin} \geq 7,20m$.

d) Quy hoạch thoát nước mặt:

- Khu vực hiện trạng: Định hướng thoát chung, từng bước cải tạo thành hệ thống nửa riêng;

- Khu vực xây mới: Định hướng thoát riêng hoàn toàn. Tận dụng địa hình tự nhiên trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo thoát nước mưa một cách triệt để trên nguyên tắc tự chảy. Mạng lưới thoát nước mưa phải phù hợp với hướng dốc san nền quy hoạch, phù hợp với tình hình hiện trạng và các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xung quanh. Tận dụng khai thác tối đa các trục tiêu thoát nước tự nhiên như: sông, suối, kênh mương tiêu thủy lợi. Hoàn trả các tuyến kênh mương tưới tiêu thủy lợi khi san nền quỹ đất phát triển xây dựng.

- Lưu vực thoát nước toàn huyện: Hướng thoát nước chính của toàn huyện Lạng Giang là Tây Bắc - Đông Nam thoát nước ra Sông Lục Nam và Sông Thương, bao gồm 2 lưu vực chính:

+ Lưu vực 1: Thoát ra sông Thương, bao gồm phía Bắc xã Hương Sơn, xã Quang Thịnh, TT Kép, xã Nghĩa Hòa, xã Nghĩa Hưng, xã Đào Mỹ, xã Tiên Lục, xã Mỹ Hà, xã Dương Đức, xã Mỹ Thái, xã Tân Thanh:

Tiểu lưu vực 1A: thoát ra trạm bơm Dương Đức rồi thoát ra sông Thương;

Tiểu lưu vực 1B: thoát ra ngòi Bùng rồi thoát ra sông Thương;

Tiểu lưu vực 1C: thoát về trạm bơm Xuân Hương 2 rồi thoát ra sông Thương.

+ Lưu vực 2: Thoát ra sông Lục Nam, bao gồm phía Nam xã Hương Sơn, xã Hương Lạc, xã Yên Mỹ, TT Tân Hưng, TT Vôi, xã Xương Lâm, TT Dân Dĩnh, TT Thái Đào, xã Đại Lâm. Chia thành 2 tiểu lưu vực:

Tiểu lưu vực 2A: Thoát ra ngòi Cút rồi thoát ra sông Lục Nam;

Tiểu lưu vực 2B: Thoát ra ngòi Sàn rồi thoát ra sông Lục Nam.

- Triển khai lập Quy hoạch chi tiết hệ thống thoát nước mặt theo chiều dài 03 tuyến ngòi Cút, ngòi Sàn, ngòi Bùng để làm cơ sở để cắm mốc giới quy hoạch bảo vệ hành lang thoát nước và đầu tư xây dựng dự án.

e) Định hướng cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước sinh hoạt và công nghiệp toàn huyện: Giai đoạn năm 2030: $84.000m^3/ngđ$; Giai đoạn năm 2040: $167.000m^3/ngđ$.

- Định hướng cấp nước:

+ Giai đoạn đến năm 2030: Nâng công suất NMN DNP-Bắc Giang lên $80.000m^3/ngđ$; Thu hẹp phân vùng cấp nước của 04 cơ sở cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Yên Mỹ - TT. Vôi, TT. Kép, xã Tân Dĩnh, xã An Hà do không đảm bảo chất lượng, quy mô công suất thấp; Chuyển đổi 04 cơ sở cấp nước sinh hoạt

tập trung trên thành trạm bơm tăng áp (bể chứa). Toàn huyện thành 01 phân vùng cấp nước sạch từ nhà máy nước DNP - Bắc Giang qua hệ thống các đường ống truyền dẫn và phân phối chính cấp về.

+ Giai đoạn đến năm 2040: Nâng công suất nhà máy nước DNP- Bắc Giang lên 300.000m³/ngđ cấp nước cho toàn huyện.

- Cấp nước cho các khu công nghiệp và cụm công nghiệp:

+ Các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Lạng Giang dự kiến sẽ được cấp nước sạch từ nhà máy nước DNP-Bắc Giang về với tổng nhu cầu đến năm 2030: 22.000m³/ngđ, đến năm 2040: 34.000m³/ngđ;

+ Các cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Lạng Giang dự kiến sẽ được cung cấp nước sạch từ nhà máy nước DNP - Bắc Giang với tổng nhu cầu đến năm 2030: 5.000m³/ngđ, đến năm 2040: 6.000m³/ngđ.

f) Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc:

* Định hướng cấp điện:

Nhu cầu phụ tải điện: Tổng nhu cầu toàn vùng đạt 626,6MW.

Nguồn điện:

- Theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2030 đã được phê duyệt, sẽ nâng cấp trạm 110kV (trạm 110kV Lạng Giang) hiện có và xây dựng mới 5 trạm 110kV:

+ Xây dựng Trạm 110kV Nghĩa Hưng công suất 2x63MVA;

+ Xây dựng mới Trạm 110kV Tân Hưng, công suất 2x40MVA;

+ Xây dựng mới Trạm 110kV Tân Thịnh, công suất 2x40MVA;

+ Xây dựng mới trạm 110kV Mỹ Xuân, công suất 2x63MVA;

+ Xây dựng mới trạm 110kV Mỹ Thái, công suất 2x63MVA.

- Thiết kế lưới điện 110kV sẽ đảm bảo tiêu chí N-1, mỗi trạm 110kV được cấp điện từ 2 đường dây 110kV trở lên;

- Lưới trung áp tại các đô thị sẽ từng bước cải tạo về cấp điện áp 22kV phù hợp với mật độ phụ tải và đảm bảo tiêu chuẩn của ngành điện;

- Các khu đô thị đã ổn định, về Quy hoạch lưới điện phải được ngầm hóa để đảm bảo cảnh quan đô thị, tránh đầu tư nhiều lần. Để thuận tiện trong vận hành, lắp đặt, sửa chữa đường cáp ngầm nên bố trí trong hào cáp kỹ thuật chung. Tiết diện các tuyến trục sử dụng cáp bọc XLPE - 185 cho đường dây nổi trong các khu công nghiệp và vùng ngoại thị, cáp ngầm chống thấm dọc XLPE -240 cho các khu nội thị;

- Lưới điện hạ thế có bán kính cấp điện không quá 300m trong đô thị, không quá 1200m phạm vi ngoài đô thị nhằm tránh độ sụt áp cuối đường dây quá định mức cho phép;

- Lưới chiếu sáng: Tuân thủ theo kế hoạch số 364/KH-UBND ngày

07/12/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

* Định hướng thông tin liên lạc: Nâng cấp các tuyến cáp quang hiện có và mở rộng dung lượng các trạm chuyển mạch, đảm bảo đáp ứng các nhu cầu viễn thông.

g) Định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

* Phương án thu gom và xử lý nước thải: Dự báo tổng khối lượng nước thải phát sinh đến năm 2040 khoảng 77.000m³/ngđ.

- Giai đoạn đến năm 2030:

+ Khu vực đô thị:

Tại lưu vực Vôi: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 5.700m³/ngđ;

Tại lưu vực Kép: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 4.000m³/ngđ;

Tại lưu vực Tân Hưng: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 4.000m³/ngđ;

Tại lưu vực Thái Đào - Đại Lâm: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 6.000m³/ngđ;

Tại lưu vực Tân Dĩnh: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 4.500m³/ngđ;

Tại lưu vực Hương Lạc - Yên Mỹ: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 4.000m³/ngđ;

Tại lưu vực Xuân Hương - Mỹ Thái: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 7.500m³/ngđ;

Tại lưu vực Xương Lâm: Xây dựng các trạm xử lý sinh hoạt có tổng công suất 2.100m³/ngđ;

+ Các KCN, CCN trong huyện dự kiến quy hoạch hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, có các trạm xử lý nước thải;

+ Khu vực dân cư nông thôn: Đối với các khu dân cư nông thôn tập trung, dự kiến xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung (vị trí, quy mô sẽ được xác định trong đồ án quy hoạch xây dựng cấp dưới). Tại các khu vực thuận lợi về diện tích đất, kết hợp xử lý nước thải với nuôi cá, tưới vườn (hệ sinh thái VAC). Khu vực các trại chăn nuôi lớn sử dụng hầm biogas để xử lý phân, nước thải, đồng thời tận dụng khí đốt cho sinh hoạt.

- Giai đoạn đến năm 2040: Đầu tư xây dựng 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung của huyện tại xã Đại Lâm và Dương Đức, quy mô mỗi nhà máy XLNT khoảng 20.000m³/ngđ. Cải tạo các trạm xử lý nước thải nhỏ lẻ thành các trạm bơm cưỡng bức, bơm về 02 nhà máy xử lý nước thải tập trung.

* Thu gom và quản lý chất thải rắn:

- Dự báo tổng khối lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh đến năm 2040 khoảng 581 tấn/ngày;

- Cấp huyện: Mở rộng khu xử lý CTR xã Tân Hưng lên 10ha và xây dựng tại đây nhà máy xử lý CTR tập trung của huyện, với công nghệ hiện đại (như đốt thu hồi năng lượng, sản xuất phân vi sinh) công suất 350 tấn/ngày; Xây dựng khu xử lý CTR xã Nghĩa Hòa với quy mô khoảng 10ha với công nghệ hiện đại (như đốt thu hồi năng lượng, sản xuất phân vi sinh) công suất 250 tấn/ngày, xử lý CTR sinh hoạt, công nghiệp và CTR nguy hại;

- Đối với chất thải rắn phát sinh từ quá trình phá dỡ công trình hiện trạng (như: gạch vỡ, bê tông,...), đất đá khai thác không đủ tiêu chuẩn làm vật liệu xây dựng, san lấp mặt bằng,... tổ chức tập kết, xử lý tại Khu xử lý CTR Tân Hưng và Nghĩa Hòa;

- Đối với đất nạo vét lớp đất mặt-đất hữu cơ phát sinh trong quá trình xây dựng công trình tổ chức tập kết, quản lý tại các khu vườn ươm quy hoạch tại các xã: Quang Thịnh, Đại Lâm, Mỹ Thái-Dương Đức-Tân Thanh;

- Đối với CTR công nghiệp: Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có điểm lưu giữ CTR công nghiệp và xử lý sơ bộ theo quy định về quản lý CTR công nghiệp. Việc xử lý triệt để CTR sản xuất sẽ được thực hiện theo quy định.

* Quản lý nghĩa trang:

- Đối với nghĩa trang hiện có: Tiến hành lập quy hoạch xây dựng đảm bảo đúng các quy định, quy phạm hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang, vệ sinh môi trường, hạ tầng kỹ thuật. Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong nghĩa trang đồng bộ, từng bước áp dụng các công nghệ mai táng hiện đại;

- Nghĩa trang quy hoạch mới: Quy hoạch Nghĩa trang tập trung cấp huyện tại xã Hương Sơn, có công trình hỏa táng, nhà tang lễ, diện tích khoảng 35ha.

h) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Kiểm soát, bảo vệ quản lý các vùng phát triển và nhạy cảm môi trường;

- Tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường, phân vùng môi trường theo Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050;

- Các quy định kiểm soát bảo vệ môi trường đối với từng khu vực phát triển, cụ thể:

+ Khu vực bảo vệ nguồn nước: Bảo vệ, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, phát triển; Bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên nước;

+ Khu vực phát triển đô thị: Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn, kiểm soát chặt chẽ hoạt động xây dựng;

+ Khu vực phát triển dân cư nông thôn: Kiểm soát chất lượng môi trường, từng bước thu gom, xử lý nước thải, chất thải phát sinh; nâng cao ý thức cộng đồng;

+ Khu vực công nghiệp, khai thác khoáng sản: Kiểm soát chặt chẽ hoạt

động sản xuất, khai thác, xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường. Phát triển công nghiệp theo hướng sạch; chú trọng công tác hoàn nguyên sau khai thác;

+ Khu vực phát triển dịch vụ du lịch: Kiểm soát chặt chẽ, phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường, hệ sinh thái tự nhiên, công trình văn hóa, di tích lịch sử trong vùng;

+ Khu vực phát triển nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững; hạn chế tối đa sử dụng hóa chất trong sản xuất;

+ Khu vực phát triển lâm nghiệp: Kiểm soát hoạt động trồng và khai thác rừng; có kế hoạch trồng và khai thác rừng hợp lý;

+ Công trình hạ tầng, đầu mối kỹ thuật: Kiểm soát hoạt động, đảm bảo tính hiệu quả, liên tục, đồng bộ và hoàn chỉnh.

9. Các nhóm dự án ưu tiên đầu tư

- Các Chương trình mục tiêu quốc gia;

- Triển khai lập, điều chỉnh các đồ án quy hoạch xây dựng: Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Vôi, Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Kép, Quy hoạch chung đô thị Thái Đào, Quy hoạch chung đô thị Tân Đình, Quy hoạch chung đô thị Tân Hưng, Quy hoạch chung xây dựng các xã trên địa bàn huyện;

- Quy hoạch bảo tồn phát huy giá trị du lịch các khu vực công viên, sinh thái, nghỉ dưỡng tại các xã, thị trấn: Hương Sơn, Đào Mỹ, Nghĩa Hưng, Xương Lâm, Quang Thịnh, Tân Thanh, Đại Lâm, Hương Lạc, thị trấn Vôi, thị trấn Kép...;

- Quy hoạch xây dựng các khu cây xanh-mặt nước gắn với cảnh quan đô thị và nông thôn, công viên trung tâm huyện, văn hóa, TDTT, các khu làng nghề...;

- Các dự án hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công trình đầu mối cấp tỉnh đã được định hướng trong quy hoạch tỉnh đến năm 2030;

- Các dự án hạ tầng khung giao thông trực chính của huyện có tính chất đối ngoại, kết nối huyện Lạng Giang với các địa phương lân cận, kết nối xuyên suốt nội bộ các xã trong huyện. Các dự án hạ tầng kỹ thuật, khu xử lý môi trường, khu nghĩa trang tập trung của huyện...;

- Các dự án phát triển đô thị bao gồm các khu đô thị, các khu, điểm dân cư mới, cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị; phát triển các dự án đô thị xanh-sinh thái; Dự án điểm dân cư nông thôn gắn với các khu chức năng phục vụ phát triển nông thôn;

- Các dự án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, điều dưỡng, thể thao cao cấp, vui chơi giải trí gắn với các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

- Các dự án hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, các khu tiêu thụ công nghiệp-làng nghề tập trung;

- Các dự án phát triển nông - lâm nghiệp sạch công nghệ cao, trung tâm hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp, vườn ươm...;

- Đào tạo, thu hút nguồn nhân lực, cung cấp đầy đủ và ngày càng nâng cao trình độ nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch.

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đến năm 2040 (tỷ lệ 1/25.000)” ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Xây dựng, UBND huyện Lạng Giang chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, số liệu báo cáo, các nội dung thẩm định theo quy định, có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước Bắc Giang; Chủ tịch UBND huyện Lạng Giang và các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: LĐ, TH, KTN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT; XD.Trung.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích